



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XII**  
**KHOA ĐẠI CƯƠNG**  
**THI GIỮA HỌC KỲ 3**  
**MÔN: SINH NGỮ ANH 3**  
**Giảng viên: SC.TS. THÍCH NỮ TÂM THẢO**  
**MSSV: 12244 đến 12635.**

STT	MSV	HỌ TÊN	PHÁP DANH	GHI CHÚ
1	12244	Mai Thị Xuân An	TN. Nhuận An	
2	12355	Trần Thị Hung	TN. Diệu Thịnh	
3	12432	Trần Thị Ngọc My	TN. Diệu An	
4	12435	Lê Thị Mỹ Nga	TN. Trung Quang	
5	12445	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TN. Hạnh Quý	
6	12447	Đỗ Thị Ngọc	TN. Nhuận Chân	
7	12451	Phạm Thảo Nguyên	TN. Thiên Ý	
8	12453	Phạm Thị Tú Nguyệt	TN. Như Nguyệt	
9	12456	Phùng Thị Nhân	TN. Trung Tĩnh	
10	12460	Nguyễn Thị Yên Nhi	TN. Huệ Tâm	
11	12461	Nguyễn Thị Ngọc Nhiều	TN. Tâm Thi	
12	12462	Trần Thị Hoài Nhon	TN. Như Nghĩa	
13	12466	Nguyễn Thị Nhung	TN. Tuệ Nhon	
14	12468	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TN. Cát Tường Hải	
15	12486	Nguyễn Thị Minh Phương	TN. Chơn Ngọc	
16	12489	Trương Thúy Phượng	TN. Nhẫn Hòa	
17	12496	Nguyễn Thị Bích Quyên	TN. Như Tuyết	
18	12501	Nguyễn Thị Sáng	TN. Thiên Định	
19	12506	Lê Thị Bảo Tâm	TN. Thiên An	
20	12512	Phạm Thị Thắm	TN. Thanh Hân	
21	12518	Lê Thị Kim Thanh	TN. Diệu Thắng	
22	12520	Phạm Thị Thành	TN. Đức Nghị	
23	12524	Nguyễn Lê Phương Thảo	TN. Quang Trí	
24	12529	Trần Thị Thảo	TN. Thuận Liên	

25	12531	Phan Thị Lê	Thi	TN. Nhuận Trinh	
26	12538	Nguyễn Thị Bạch	Thu	TN. Quảng An	
27	12544	Lê Thị	Thu	TN. Hiền Tâm	
28	12551	Trần Thị Hoài	Thương	TN. Minh Huệ	
29	12552	Trần Thị Thương	Thương	TN. Đồng Hiếu	
30	12553	Nguyễn Thị Mộng	Thường	TN. Huệ Quang	
31	12558	Trần Thị	Thúy	TN. Nhật Thanh	
32	12560	Nguyễn Thị Kim	Thùy	TN. Tâm Hiếu	
33	12562	Trần Thị Thu	Thùy	TN. Quang Tuệ	
34	12565	Đoàn Thị	Thùy	TN. Liên Thân	
35	12566	Đỗ Thị Thu	Thùy	TN. Trí Hạnh	
36	12573	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	TN. Đức Tín	
37	12578	Nguyễn Thị Hoàng	Trâm	TN. Nhuận Trí	
38	12580	Phạm Thị Mỹ	Trang	TN. Nguyên Trí	
39	12581	Trương Thị Tuyết	Trang	TN. Thiên Bảo	
40	12582	Nguyễn Thị Thảo	Trang	TN. Diệu Hiếu	
41	12583	Võ Thị Thu	Trang	TN. Hoàn Thùy	
42	12593	Nguyễn Thị Phúc	Trinh	TN. Diệu Chiếu	
43	12596	Đặng Thị Thanh	Truyền	TN. Trung Tâm	
44	12598	Nguyễn Thị Kim	Tùng	TN. Liên Trang	
45	12600	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	TN. Diệu Khánh	
46	12602	Trần Thị	Tường	TN. Thông Niệm	
47	12605	Nguyễn Thị	Tuyền	TN. Hạnh Giác	
48	12611	Nguyễn Thị	Tuyền	TN. Khánh An	
49	12622	Trần Thị Cẩm	Vân	TN. Định Tâm Hương	
50	12623	Trần Thị Hồng	Vân	TN. Hiền Lan	
51	12625	Lê Thị Cẩm	Vàng	TN. Diệu Ngọc	
52	12628	Trần Thị	Vương	TN. Diệu Châu	
53	12631	Nguyễn Thanh	Xuân	TN. Thiên Hân	
54	12635	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	TN. Thông Quang	

**VĂN PHÒNG HỌC VIỆN**